TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày 10/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Vi Thị Nhâm.

Ông Nguyễn Trần Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ma Ngọc Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Ma Công Đằng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

MA VĂN C, tên gọi khác: Không; sinh ngày 15 tháng 5 năm 1979 tại xã H, huyện C (nay là huyện L), tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn thể: Không.

Con ông Ma Văn T (đã chết) và bà Ma Thị K; vợ, con: Vợ là Ma Thị S, sinh năm 1978, có 01 con sinh năm 2010; Anh, chị, em có 04 người, bị cáo là thứ 4.

Tiền sự, tiền án: Không

Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lâm Bình (*có mặt)*.

Người bị hại:

- Đặng Văn Đ, sinh năm 1984 (Có mặt).

Trú tại: thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang

- Hoàng Văn L, sinh năm 1986 (Có mặt).

Trú tại: thôn T, xã L, huyện B, tỉnh H

- Hoàng Văn S, sinh năm 1967 (Có mặt).

Trú tại: thôn T, xã L, huyện B, tỉnh H

- Phạm Gia K, sinh năm 1971 (Có mặt).

Trú tại: thôn B, xã M, huyện C, tỉnh T

- Ma Phúc T, sinh năm 1982 (Có mặt).

Trú tại: thôn B, xã M, huyện C, tỉnh T

- Ma Văn Q, sinh năm 1982 (Có mặt).

Trú tại: thôn B, xã H, huyện L, tỉnh T

- Ma Đình D, sinh năm 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: thôn B, xã H, huyện L, tỉnh T

- Ma Văn D1, sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: thôn B, xã H, huyện L, tỉnh T

- Phạm Văn C, sinh năm 1990 (Có mặt).

Trú tại: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh T

- Nguyễn Văn H, sinh năm 1989 (Có mặt).

Trú tại: thôn N, xã M, huyện C, tỉnh T

- Ma Đình L, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại thôn N, xã H, huyện L, tỉnh T

Người làm chứng

Hoàng Văn T1, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện B, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01 năm 2018, Ma Văn C trú tại thôn Nà C, xã H, huyện L, tỉnh T, trong thời gian Tòa án nhân dân huyện L chuẩn bị xét xử đối với Chắc cùng các đồng phạm về hành vi đánh bạc, gá bạc xảy ra đêm ngày 16 rạng sáng ngày 17/7/2017 tại nhà ở của C tại thôn N, xã H, huyện L. Do không có tiền chi tiêu cá nhân và nắm được tâm lý các đồng phạm trong cùng vụ án đều muốn Tòa án xử cho hưởng án treo, nên C nẩy sinh ý định thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của mọi người trong cùng vụ án. Để chiếm đoạt được tiền C đã chủ động liên lạc và gặp các anh: Phạm Văn C, trú tại thôn B, xã P, huyện C, tỉnh T; Phạm Gia K, Ma Phúc T, trú tại thôn B, xã M, huyện C, tỉnh T; Nguyễn Văn H trú tại thôn N, xã M, huyện C, tỉnh T; Hoàng Văn L, Hoàng Văn S, cùng trú tại thôn T, xã L, huyện B, tỉnh H; Ma

Đình D, Ma Văn D1 và Ma Văn Q cùng trú tại thôn B, xã H, huyện L; Đặng Văn Đ, trú tại thôn T, xã H, huyện L, Ma Đình L trú tại thôn N, xã H, huyện L. Khi gặp mọi người, C đều nói dối rằng "Đưa tiền cho C mang đi chạy án để mọi người được hưởng án treo" tin lời C nói là thật do đó: Ngày 08/01/2018, tại nhà anh Phạm Gia K, K đưa cho C 20.000.000 đồng và C viết giấy giao nhận tiền; Ngày 11/01/2018, tại nhà anh Nguyễn Văn H, anh H và anh Phạm Văn C, Hoàng Văn L mỗi người đưa cho C 30.000.000 đồng và viết chung 01 tờ giấy giao nhận tiền; ngày 12/01/2018 C hẹn anh Đặng Văn Đ tại quán ăn sáng của gia đình anh Ma Văn Đ ở thôn N, xã H, huyện L, tại đây Đ đưa cho C 20.000.000 đồng (không làm giấy giao nhận tiền); Ngày 16/01/2018, tại nhà Ma Đình D, C nhận của các anh D, L, D1, Q mỗi người 5.000.000 đồng và viết chung 01 tờ giấy giao nhận tiền chạy án với D, D1, Q; Ngày 20/01/2018, C đến nhà anh Hoàng Văn S nhận 30.000.000 đồng (viết giấy giao nhận tiền) và đến cuối tháng 01 năm 2018 (C không nhớ ngày), C hẹn gặp anh Ma Phúc T tại quán ăn của chị Hoàng Thị T thuộc thôn B, xã M, huyện C, T đưa cho C 10.000.000 đồng (không làm giấy giao nhận tiền), cũng tại thời điểm đó, sau khi nhận tiền của T, C đến nhà anh Nguyễn Văn H nhận thêm 25.000.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng của H và 20.000.000 đồng của anh C nhờ H đưa cho C (không làm giấy giao nhận tiền), sau đó C đến nhà anh L nói còn thiếu tiền chạy án, L đưa thêm cho C 5.000.000 đồng (không làm giấy giao nhận tiền).

Tổng số tiền Ma Văn C chiếm đoạt là 220.000.000 đồng, trong đó của anh Phạm Văn C 50.000.000 đồng, Hoàng Văn L 35.000.000 đồng, Nguyễn Văn H 35.000.000 đồng; Hoàng Văn S 30.000.000 đồng; Phạm Gia K 20.000.000 đồng; Đặng Văn Đ 20.000.000 đồng; Ma Phúc T 10.000.000 đồng; Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Đình L, Ma Văn Q mỗi người 5.000.000 đồng.

Trước Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, bị cáo Ma Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung chứng cứ và các tình tiết của vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của các bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 13/4/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T đã Cáo trạng số: 03/CT-VKSLB truy tố bị cáo Ma Văn C để xét xử về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a, khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L đề nghị giữ nguyên nội dung cáo trạng số 03/CT-VKSLB ngày 13/4/2018 và đề nghị: Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt Ma Văn C từ 08 đến 09 năm tù, thời hạn tù tính

từ ngày bắt tạm giam, ngày 06/02/2018. Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo từ 10 triệu đến 11 triệu đồng. Đề nghị áp dụng Điều 55, Điều 56 tổng hợp hình phạt chung của 02 bản án.

Về số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo trả lại cho các bị hại Phạm Văn C 50.000.000 đồng, Hoàng Văn L 35.000.000 đồng, Nguyễn Văn H 35.000.000 đồng; Hoàng Văn S 30.000.000 đồng; Phạm Gia K 20.000.000 đồng; Đặng Văn Đ 20.000.000 đồng; Ma Phúc T 10.000.000 đồng; Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Đình L, Ma Văn Q mỗi người 5.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

2. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo, người bị hại, người làm chứng phù hợp với nhau, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận trong tháng 01 năm 2018, Ma Văn C đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối (biết các bị hại có mong muốn được hưởng án treo nên bị báo đã nói với các bị hại đưa tiền cho bị cáo để bị cáo lo cho các bị hại được hưởng án treo, mặc dù bị cáo không có chức năng, quyền hạn trong việc xét xử) để nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại như sau: Phạm Văn C, trú tại thôn B, xã P, huyện C, tỉnh T 50.000.000 đồng; Phạm Gia K, trú tại thôn B, xã M, huyện C, tỉnh T 20.000.000 đồng; Ma Phúc T, trú tại thôn B, xã M, huyện C, tỉnh T10.000.000 đồng; Nguyễn Văn H, trú tại thôn N, xã M, huyện Ch, tỉnh T 35.000.000 đồng; Hoàng Văn L trú tại thôn T, xã L, huyện B, tỉnh H 30.000.000 đồng; Ma Đình D, Ma Văn D1 và Ma Văn Q, cùng trú tại thôn B, xã H,

huyện L 20.000.000 đồng và anh Ma Đình L, trú tại thôn Nà, xã H, huyện L 5.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại là: 220.000.000 đồng *(Hai trăm hai mươi triệu đồng)*.

Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, bị cáo đã chi tiêu cho cá nhân hết. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", Hội đồng xét xử thấy rằng việc áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 để truy tố, xét xử bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

3. Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, vi phạm pháp luật nhà nước; xâm phạm quyền sở hữu của công dân. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "*người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, người bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, bố đẻ bị cáo được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba"* Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo khi lượng hình. Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo về một tội phạm khác, điều đó thể hiện việc coi thường pháp luật của bị cáo, do đó cần phải áp dụng mức án nghiêm khắc đối với bị cáo để răn đe, giáo dục và làm gương phong ngừa tội phạm chung.

Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Xét nội dung buộc tội, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự buộc bị cáo trả lại cho các bị hại Phạm Văn C 50.000.000 đồng, Hoàng Văn L 35.000.000 đồng, Nguyễn Văn H 35.000.000 đồng; Hoàng Văn S 30.000.000 đồng; Phạm Gia K 20.000.000 đồng; Đặng Văn Đ 20.000.000 đồng; Ma Phúc T 10.000.000 đồng; Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Đình L, Ma Văn Q mỗi người 5.000.000 đồng.

5. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là dân tộc thiểu số, sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nhưng không thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo, phạm tội có tính chất vụ lợi, nên cần áp dụng khoản 5 Điều 174, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 phạt tiền bổ sung đối với bị cáo ở mức khởi điểm số tiền 10.000.000đ.

Bị cáo phải chấp hành hình phạt 02 (Hai) năm tù và phạt tiền 1.000.000đ tại bản án Hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, nên cần áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt đối với bị cáo (bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017).

6. Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ma Văn Chắc phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt Ma Văn C 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 06/02/2018.

Hình phạt bổ sung: phạt bị cáo số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Về biện pháp tư pháp : Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo trả lại cho các bị hại Phạm Văn C 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), Hoàng Văn L 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), Nguyễn Văn H 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng); Hoàng Văn S 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); Phạm Gia K 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Đặng Văn Đ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Ma Phúc T 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Ma Đình D, Ma Văn D1, Ma Đình L, Ma Văn Q mỗi người 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Về tổng hợp hình phạt: Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm tù và phạt tiền 1.000.000đ tại bản án Hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 (Hai) bản án là: 10 (Mười) năm tù (bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 17/7/2017 đến ngày 29/8/2017), thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 06/02/2018.

Tổng hợp số tiền phạt bổ sung đối với 02 (Hai) bản án là: 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

-Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với cả trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 10/05/2018. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được tính theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Công an huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Hồ sơ THAHS
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc